TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 13/11/2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Hiếu Trung

2. Ông Nguyễn Văn hai

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Ly Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 240/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Phạm Thị Đoan T, sinh năm 1974
Địa chỉ: 65B, ấp L, xã Đ, thành phố S, Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1971
Địa chỉ: 65B, ấp L, xã Đ, thành phố S, Đồng Tháp.

Có mặt chị T, anh K vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phạm Thị Đoan T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K tìm hiểu khoảng 02 năm thì tổ chức đám cưới và chung sống vợ chồng từ năm 1991, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/1991 tại UBND xã Đ, thành phố S. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K thường xuyên nhậu nhẹt, không có trách nhiệm với vợ con, không phụ giúp kinh tế gia

đình. Chị T khuyên nhiều lần anh K không sửa đổi. Mỗi lần nhậu thì đập phá đồ đạc trong nhà, đánh đập chị T. Nhưng mong muốn cho các con có đầy đủ tình cảm của cha mẹ nên chị T cố gắng chịu đựng chung sống.

Trước đây, chị T cũng có nộp đơn xin ly hôn anh K. Tòa án cũng đã mời nhiều lần nhưng anh K không đến. Vì điều kiện công việc ở xa, chị T cũng không thể đến Tòa được vì vậy mà chị T đã rút kiện không yêu cầu giải quyết. Nay các con đều đã thành niên, tình cảm vợ chồng cũng không còn, chị và anh K đã sống ly thân 07 năm. Vì vậy chị T yêu cầu ly hôn anh K.

- Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Ánh D, sinh ngày 05/12/1991 và Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 11/10/1999. Các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa phía bị đơn Nguyễn Văn K: Đã được Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho anh K đúng theo luật định, nhưng anh K không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến để tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo quy định.

*** Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát như sau:**

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự (nguyên đơn) đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Đoan T.

- Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Ánh D, sinh ngày 05/12/1991 và Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 11/10/1999. Các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điểm b, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Xét thấy chị Phạm Thị Đoan T và anh Nguyễn Văn K chung sống vợ chồng từ năm 1991, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/1991 tại UBND xã Đ, thành phố S, Đồng Tháp, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị T cho rằng trong quá trình chung sống giữa chị và anh K đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K thường xuyên nhậu nhẹt, không có trách nhiệm với vợ con, không phụ giúp kinh tế gia đình. Chị T khuyên nhiều lần anh K không sửa đổi. Mỗi lần nhậu thì đập phá đồ đạc trong nhà, đánh đập chị T. Nhưng mong muốn cho các con có đầy đủ tình cảm của cha mẹ nên chị T cố gắng chịu đựng chung sống.

Trước đây, chị T cũng có nộp đơn xin ly hôn anh K. Tòa án cũng đã mời nhiều lần nhưng anh K không đến. Vì điều kiện công việc ở xa, chị T cũng không thể đến Tòa được vì vậy mà chị T đã rút kiện không yêu cầu giải quyết.

Về phía anh K đã biết việc chị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham dự các buổi hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Như vậy, anh K đã từ chối các quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định. Bản thân anh K cũng không có mong muốn hàn gắn tình cảm với chị T nên đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình.

Tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."

Do đó, Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T và anh K không còn sống chung đã 07 năm, giữa anh chị cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân anh K cũng không có thành ý đến Tòa để hòa giải, đoàn tụ tiếp tục chung sống với chị T. Nếu chị T và anh K đoàn tụ tiếp tục sống chung thì cũng không có hạnh phúc. Do đó, xét thấy việc chị T yêu cầu ly hôn anh K là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Ánh D, sinh ngày 05/12/1991 và Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 11/10/1999. Các con đã thành niên nên chị T không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị Đoan T nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Đoan T. Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Đoan T và anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Ánh D, sinh ngày 05/12/1991 và Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 11/10/1999. Các con đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Đoan T nộp 300.000 đồng dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp ngày 31/7/2018 theo biên lai thu số 0004711 được khấu trừ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Đồng Tháp;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp. S;
- Chị cục THA dân sự Tp. S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thủy).

Nguyễn Thị Thủy